

Số: 2564 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 11 năm 2016.

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác tháng 11/2016
và nhiệm vụ công tác tháng 12/2016.

Thực hiện Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định về một số giải pháp chủ yếu điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện công tác tháng 11/2016 và nhiệm vụ công tác tháng 12/2016, như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác tháng 11/2016

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục hoàn thiện báo cáo: (1)-Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; (2)- Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2035; (3)-Quy hoạch phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các ngành liên quan triển khai thực hiện cơ chế chính sách phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản; liên kết xây dựng cánh đồng lớn.

- Phối hợp với các Sở, Ngành chỉ đạo, hướng dẫn, tập trung nguồn lực hoàn thành các nội dung, tiêu chí chưa đạt, đảm bảo hoàn thành kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2016.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp

2.1. Về trồng trọt và công tác đảm bảo sản xuất

Chỉ đạo, đôn đốc các huyện, thành phố tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng vụ đông đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt¹. Tổ chức 07 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả và thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV cho 315 nông dân. Đánh giá kết quả sản xuất vụ mùa, vụ hè thu năm 2016 và triển khai nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

¹ TĐSX vụ đông đến 20/11/2016: Trồng ngô 6.749,2ha, đạt 166,4%KH; đậu tương 133,1ha, đạt 78,3%KH; khoai lang 2.197,1 ha, đạt 60,3%KH.

kế hoạch sản xuất vụ xuân năm 2017. Ban hành hướng dẫn cơ cấu giống và thời vụ năm 2017.

Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, Hợp tác xã nông lâm nghiệp và các Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi cơ sở thường xuyên kiểm tra đảm bảo an toàn, điều tiết nước tưới tiêu hợp lý phục vụ sản xuất.

2.2. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

Tham mưu, trình UBND tỉnh Quyết định Quy định chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020.

Tiếp tục kiểm tra hướng dẫn công tác phòng, chống rét, dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; hướng dẫn chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh; theo dõi giám sát, hướng dẫn việc chăm sóc nuôi dưỡng 50 con bò hỗ trợ tại xã Kim Bình; phối hợp chỉ đạo các xã, phường, thị trấn triển khai tiêm phòng bổ xung cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu - Đông năm 2016².

Quản lý chặt chẽ việc khai thác, bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn; hướng dẫn nông dân nuôi và chăm sóc cá vụ đông năm 2016.

2.3. Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản

Tổ chức kiểm tra, giám sát 93 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, lấy 15 mẫu thức ăn chăn nuôi công nghiệp dùng trong nuôi trồng thủy sản để kiểm tra chất lượng, kết quả: Tại thời điểm kiểm tra phát hiện 01 cơ sở vi phạm đã xử lý theo quy định; kiểm tra 97 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, lấy 10 mẫu rau, củ quả để Test thử nhanh dư lượng thuốc trừ sâu (*kết quả tại thời điểm kiểm tra không phát hiện tồn dư, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật*); tổ chức 21 lớp tập huấn kiến thức sản xuất kinh doanh, thực phẩm nông lâm thủy sản cho 840 người.

2.4. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Đôn đốc các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ khai thác, đảm bảo hoàn thành kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng, khai thác tre nửa năm 2016 và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức sản xuất lâm nghiệp năm 2017³. Hướng dẫn thực hiện xấp xếp đổi mới các công ty lâm nghiệp (*đến nay các công ty đang xây dựng phương án sử dụng đất, phương án xác định giá trị tài sản*).

Tham mưu tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện kế hoạch cấp chứng chỉ rừng cho các công ty TNHH MTV lâm nghiệp; Hoàn thành xây dựng giá dịch vụ quy định phí lệ phí; trình giao dự toán sử dụng kinh phí sự nghiệp hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2016.

² Kết quả tiêm phòng vụ thu đông năm 2016: Đàn trâu: LMLM 23.149 con; THT 26.439 con; Đàn bò: LMLM 5.619 con; THT 6.310 con; Đàn lợn: LMLM 2.437 con; THT 77.743 con; dịch tả 83.690 con; Đàn gia cầm: THT 361.348 con; Newcatson 350.433 con; Đàn chó 1.828 con.

³ Đến ngày 20/11/2016, toàn tỉnh đã trồng được 10.937 ha, đạt 104% KH, trong đó: Trồng rừng tập trung 10.537 ha, trồng cây phân tán (*quy diện tích*) 400,6 ha. Khai thác gỗ rừng trồng được 4.720,5 ha, sản lượng 587.027 m³ đạt 76,7%KH.

Tăng cường công tác nắm bắt thông tin, chủ động trong công tác đấu tranh ngăn chặn, xử lý, giải quyết các hành vi vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng. Trong tháng 11/2016, kiểm tra, phát hiện và xử lý 47 vụ vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng (*tăng 04 vụ so với tháng 10/2016*), tịch thu 7 phương tiện; 34,1m³ gỗ các loại (*trong đó gỗ quý hiếm 4,096m³*); phạt hành chính hơn 112 triệu đồng (*đã thu nộp ngân sách*).

3. Chương trình phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- *Công tác ổn định dân cư*: Hướng dẫn, đôn đốc các huyện thực hiện di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, bố trí sắp xếp ổn định dân cư theo kế hoạch được giao, đến nay đã di chuyển được 102/102 hộ đạt 100% kế hoạch.

- *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố, các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2016. Đến nay, 06 xã (*Côn Lôn, Vinh Quang, Đức Ninh, Nhữ Hán, Ninh Lai, Lương Vượng*) đã hoàn thành 19/19 tiêu chí, đang làm hồ sơ xét công nhận xã hoàn thành nông thôn mới theo quy định (*xã Lương Vượng đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn*).

- *Thực hiện các cơ chế chính sách*: Đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, đến nay đã thực hiện giải ngân được 167.914,5 triệu đồng. Trong đó: Cho vay để phát triển sản xuất hàng hóa (*Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND*) là 90.746,5 triệu đồng. Cho vay phát triển kinh tế trang trại (*Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND*) là 77.168 triệu đồng/232 trang trại. Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã giải ngân là 2.672,15 triệu đồng. Hoàn thành hướng dẫn về trình tự hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- *Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất*: Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện củng cố các Hợp tác xã nông nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 162 hợp tác xã nông lâm nghiệp, thủy sản, đến nay, đã chuyển đổi và đăng ký kinh doanh theo Luật Hợp tác xã năm 2012 được 131 HTX/162 HTX. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện chính sách phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, đến nay toàn tỉnh có 521 trang trại (*tăng 163 trang trại so với năm 2015*), đã cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho 502 trang trại, trong đó: phát triển mạnh ở 3 loại hình trang trại chính là trồng trọt, chăn nuôi và tổng hợp.

- *Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn*: Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở được UBND tỉnh giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư quản lý và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng bảo đảm tiến độ, đúng quy định. Tổng dự toán các dự án, công trình được phê duyệt (*bao gồm cả công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015 nhưng còn thiếu vốn*) là 1.396.829 triệu đồng, giá trị trúng thầu xây lắp là 1.268.813 triệu đồng, tổng giá trị đã thanh toán đến tháng 11/2016 là 782.372 triệu đồng, bằng 61,66% giá trị trúng thầu.

- *Kết quả thực hiện Dự án TNSP và Dự án VIE/035*: Tiếp tục hỗ trợ phát triển các chuỗi giá trị (*Lợn, Trâu, Cá đặc sản, Cam, Lạc, Chè, Dong riềng và Keo*) trên địa bàn tỉnh thông qua các hoạt động: Tham quan học tập kinh nghiệm phát triển chuỗi giá trị tại tỉnh Ninh Thuận, sản xuất, thâm canh lạc vụ đông tại tỉnh Bắc Giang, cho 36 đại biểu; xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường cho HTX Thắng Lợi, Yên Sơn; đang tiếp tục hoàn thiện Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị giai đoạn 2016-2020.

4. Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm:

Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp Hà Nội giới thiệu các sản phẩm nông sản, đặc sản của tỉnh Tuyên Quang tại Tuần lễ nhận diện nông sản thực phẩm an toàn Việt. Phối hợp Đài Truyền hình Việt Nam đưa 02 sản phẩm thủy sản được xác nhận sản phẩm an toàn giới thiệu trên chương trình “*Nói không với thực phẩm bẩn*” trên Đài Truyền hình Việt Nam.

5. Công tác giải quyết thủ tục hành chính, thanh tra tiếp dân

* *Thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính*: Trong tháng 11 đã tiếp nhận 209 hồ sơ. Trong đó: Số hồ sơ tiếp nhận từ tháng 10/2016 chuyển sang là 15 hồ sơ; tiếp nhận mới là 194 hồ sơ.

Số hồ sơ đã giải quyết: 200 hồ sơ, trong đó: Giải quyết trước thời hạn 7 ngày là 26 hồ sơ; số hồ sơ trả lại 01 hồ sơ do trong quá trình thẩm định không đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo quy định; số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết: 8 hồ sơ.

* *Công tác thanh tra, tiếp dân*: Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thường trực công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư, tham mưu công tác phòng chống tham nhũng theo quy định.

II. Nhiệm vụ, công tác tháng 12 năm 2016

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thành báo cáo trình tại kỳ họp thứ 3 HĐND tỉnh thông qua 03 dự án quy hoạch: (1)-Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; (2)-Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2035; (3)-Quy hoạch phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.

- Phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố, các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016, hoàn thành các thủ tục hồ sơ xét công nhận xã hoàn thành nông thôn mới theo quy định. Tổng hợp tham mưu, đề xuất ban hành quy định về một số chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp

2.1. Trồng trọt và công tác phục vụ sản xuất

Đôn đốc các huyện, thành phố hướng dẫn nhân dân tổ chức chăm sóc tốt các cây trồng vụ đông. Xây dựng kế hoạch cung ứng giống cho nông dân gieo cấy kịp thời vụ, đảm bảo chất lượng, đủ số lượng, chủng loại giống; tổ chức tập huấn sản xuất vụ đông xuân năm 2016-2017 cho nông dân.

Tập trung hướng dẫn các Ban quản lý cơ sở thực hiện duy tu, sửa chữa công trình, nạo vét kênh mương, trữ nước, xây dựng lịch cấp nước cụ thể cho từng công trình đảm bảo tưới tiết kiệm.

2.2. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

Tiếp tục tổ chức tiêm phòng bổ sung cho đàn gia súc, gia cầm vụ thu đông năm 2016, đảm bảo đạt kết quả cao. Giám sát chặt chẽ, xử lý kịp thời khi xảy ra dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là đối với một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (như: bệnh tai xanh, lở mồm long móng, cúm gia cầm). Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng và thực hiện phương án phòng chống đói rét cho đàn gia súc và thủy sản trong mùa đông.

Quản lý chặt chẽ việc khai thác, bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn; hướng dẫn nông dân nuôi và chăm sóc cá vụ đông năm 2016; tiếp tục tổ chức tốt việc sản xuất và quản lý chất lượng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2.3. Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản

Tiếp tục thực hiện các đợt kiểm tra cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra, quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp phục vụ cho sản xuất vụ xuân 2017 đạt hiệu quả (*đặc biệt là quản lý nguồn gốc, chất lượng các giống mới đưa vào gieo trồng; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm nông nghiệp dịp tết nguyên đán*).

2.4. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Đôn đốc các đơn vị sản xuất lâm nghiệp, các địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ khai thác gỗ rừng trồng để hoàn thành kế hoạch khai thác gỗ cả năm, tổ chức rà soát quỹ đất để xây dựng kế hoạch trồng rừng năm 2017. Đôn đốc, kiểm tra công tác gieo ươm cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2017. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp hoàn thành Phương án sử dụng đất, Phương án xác định giá trị tài sản để thực hiện củng cố, nâng cao hiệu quả của các công ty lâm nghiệp theo đúng tiến độ kế hoạch.

Bổ trí lực lượng, tăng cường cho các địa bàn trọng yếu, khu vực giáp danh với tỉnh bạn, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng tổ chức quản lý bảo vệ tài nguyên rừng hiệu quả. Thực hiện tốt việc cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng và kiểm soát lửa rừng, nhất là những khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trong mùa khô hanh; bố trí cán bộ thường trực 24/24 giờ trong ngày để tiếp nhận, xử lý kịp thời những thông tin liên quan đến vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Chương trình phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới và xây dựng công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Hướng dẫn 5 xã Côn Lôn, xã Vinh Quang, xã Đức Ninh, xã Nhữ Hán, xã Ninh Lai hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình Hội đồng thẩm định xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

- Thực hiện quản lý đầu tư các công trình xây dựng đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng công trình; chủ động phối hợp với các huyện, thành phố tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đặc biệt là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

- *Thực hiện Dự án TNSP và Dự án VIE/035:* Tiếp tục thực hiện các hoạt động thực thi Dự án VIE/035 theo Bản thỏa thuận hợp tác sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và thực thi dự án đã ký kết và các kế hoạch được phê duyệt; hoàn thiện Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị giai đoạn 2016-2020.

4. Công tác cải cách hành chính, thanh tra tiếp dân

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của các đơn vị thuộc Sở. Tiếp tục thực hiện hiện tốt công tác cải cách hành chính và tăng cường việc giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đúng và trước thời hạn quy định.

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đúng và trước thời hạn quy định; thường trực công tác tiếp dân; tham mưu xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị của công dân theo thẩm quyền.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: 

- TT Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh: (Báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Đảng uỷ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT; KH-TC.

Q GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Nông

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP ĐẾN NGÀY 20/11/2016

Kèm theo báo cáo số 2564 /BC-SNN ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
I	SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG									
1	Cây ngô Kế hoạch	ha	4.055	1.300,0	750,0	220,0	680,0	920,0	35,0	150,0
	Trên ruộng	ha	2.335,0	550,0	300,0	70,0	530,0	820,0	35,0	30,0
	Trên soi bãi	ha	1.720,0	750,0	450,0	150,0	150,0	100,0	-	120,0
1.1	Diện tích đã trồng	ha	8.268	1.579,5	910,9	224,0	1.528,5	3.327,1	242,9	455,4
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	<i>203,9</i>	<i>121,5</i>	<i>121,5</i>	<i>101,8</i>	<i>224,8</i>	<i>361,6</i>	<i>694,0</i>	<i>303,6</i>
a	Ngô lấy hạt	ha	6.749,2	1.356,0	770,8	224,0	1.089,3	2.904,5	82,9	321,7
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	<i>166,4</i>	<i>104,3</i>	<i>102,8</i>	<i>101,8</i>	<i>160,2</i>	<i>315,7</i>	<i>236,9</i>	<i>214,5</i>
	Trên soi bãi	ha	1.637,4	778,5	450,0	219,2	156,5	12,7	0,6	19,9
	Trên ruộng	ha	5.111,8	577,5	320,8	4,8	932,8	2.891,8	82,3	301,8
b	Ngô thức ăn gia súc	ha	1.519,1	223,5	140,1		439,2	422,6	160,0	133,7
2	Cây đậu tương KH	ha	170,0				50,0	120,0		
	Đã trồng	ha	133,1				33,0	95,1		5,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	<i>78,3</i>				<i>66,0</i>	<i>79,3</i>		
3	Cây khoai lang KH	ha	3.645,0	830,0	1.400,0	160,0	365,0	640,0	70,0	180,0
	Đã trồng	ha	2.197,1	526,0	929,7		177,4	397,9	14,3	151,8
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	<i>60,3</i>	<i>63,4</i>	<i>66,4</i>	<i>-</i>	<i>48,6</i>	<i>62,2</i>	<i>20,4</i>	<i>84,3</i>
II	LÂM NGHIỆP		-							
1	Trồng rừng		-							
1.1	Kế hoạch trồng rừng năm 2016	ha	10.500	1.925	2.930	205	2.470	1.470	850	650
a	Trồng rừng tập trung	ha	10.150	1.900	2.850	200	2.400	1.400	800	600
	- Trồng rừng sản xuất	ha	9.900	1.900	2.800	200	2.400	1.400	700	500

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
	+ Tổ chức	ha	1.895	200	435	30	730	500		
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	8.005	1.700	2.365	170	1.670	900	700	500
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	250		50				100	100
b	Trồng cây phân tán (Quy diện tích)	ha	350	25	80	5	70	70	50	50
1.2	Kết quả trồng rừng	ha	10.937,7	1.956,1	3.021,8	204,3	2.555,3	1.700,9	829,4	669,9
	Đạt % so với kế hoạch	%	104,2	101,6	103,1	99,7	103,5	115,7	97,6	103,1
a	Trồng rừng tập trung	ha	10.537,1	1.929,1	2.931,3	195,9	2.482,1	1.606,6	779,4	612,7
	Đạt % so với kế hoạch	%	103,8	101,5	102,9	97,9	103,4	114,8	97,4	102,1
	- Trồng rừng sản xuất	ha	10.276,4	1.929,1	2.870,6	195,9	2.482,1	1.606,6	679,4	512,7
	+ Tổ chức, doanh nghiệp	ha	1.912,0	194,4	365,0	80,2	772,4	500,0	-	-
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	8.364,4	1.734,7	2.505,6	115,7	1.709,7	1.106,6	679,4	512,7
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	260,7	-	60,7	-	-	-	100,0	100,0
b	Trồng cây phân tán (Quy diện tích)	ha	400,6	27,0	90,5	8,4	73,2	94,3	50,0	57,2
2	Khai thác									
2.1	Kế hoạch khai thác									
a	Gỗ rừng trồng									
	- Diện tích	ha	9.400	2.000	2.800	200	2.400	1.400	350	250
	- Sản lượng gỗ	m3	765.000	164.200	228.000	16.200	194.200	113.500	28.250	20.650
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	117.000	20.000	26.000	3.000	48.000	20.000		
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m3	648.000	144.200	202.000	13.200	146.200	93.500	28.250	20.650
b	Tre, nứa	Tấn	22.100	100	7.000			8.000	2.000	5.000
2.2	Kết quả thực hiện									
a	Khai thác gỗ rừng trồng									
	- Diện tích	ha	4.720,5	883,0	1.261,3	105,5	746,9	1.072,1	413,1	238,5
	- Sản lượng gỗ	m3	587.027	79.831	88.469	24.630	243.417	111.347	24.518	14.816
	Đạt % so với kế hoạch khai thác	%	76,7	48,6	38,8	152,0	125,3	98,1	86,8	71,7

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	120.857	30.722	33.372	7.078	32.726	16.960	-	-
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	<i>103,3</i>	<i>153,6</i>	<i>128,4</i>	<i>235,9</i>	<i>68,2</i>	<i>84,8</i>		
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m3	466.170,3	49.109,0	55.097,7	17.552,0	210.691,6	94.386,6	24.517,6	14.815,7
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	<i>71,9</i>	<i>34,1</i>	<i>27,3</i>	<i>133,0</i>	<i>144,1</i>	<i>100,9</i>	<i>86,8</i>	<i>71,7</i>
b	Tre, nứa	Tấn	22.149	50	3.887	-	-	9.180	3.932	5.100
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	<i>100,2</i>	<i>50,00</i>	<i>55,53</i>			<i>114,76</i>	<i>196,60</i>	<i>102,00</i>